



番号	部品名	数量	材質
1	天板	1	SPCC t1.0
2	地前板	1	SPCC t0.8
3	地板	1	SPCC t0.6
4	地骨	2	SPCC t1.2
5	側板	2	SPCC t0.8
6	ウラ板	1	SPCC t0.8
7	側前骨	2	SPCC t1.0 (t° ッチ16.75)
8	側後骨	2	SPCC t0.7 (t° ッチ16.75)
9	自由端 (UF2-01T)	5	SPCC t0.7
10	棚骨	6	SPCC t0.6
11	棚受	20	SPCC t2.0
12	最下段棚板	1	SPCC t0.7

生産工場	656500
納入形態	完成品
塗装色	ニューク' レー
大日本塗料製	メラミン焼付
塗料製品名	テ' リコン#300-5分艶
マンセル近似値	5Y-7.5/1

備考

自重: 55.0kg
 梱包サイズ* W915×D460×H2110
 梱包数: 1
 梱包重量: 56.0kg
 1台当りの最大荷重: 200kg
 1段当りの均等荷重: 60kg